

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Kết quả số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP năm 2024 (triệu VND)	Thu ngân sách năm 2024 (triệu VND)	Thu nhập bình quân năm 2024 (Triệu VND /năm)		Xã	Phường	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hiện trạng												
1	Thành phố Cần Thơ	1.440,40	96,03	1.498.658	149,86	133.064.733	12.659.662	72,30	80	16	16	32	1
2	Tỉnh Sóc Trăng	3.298,20	65,96	1.703.286	121,66	80.147.270	5.874.848	51,60	108	35	8	43	1
3	Tỉnh Hậu Giang	1.622,23	32,44	997.880	71,28	68.462.625	6.253.847	54,00	75	21	7	28	
II	Kết quả												
	Thành phố Cần Thơ	6.360,83		4.199.824		281.674.628	21.788.357		263	72	31	103	2

* Ghi chú:

(1) Số liệu tính đến ngày 31/12/2024

(2) Phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng có yếu tố đặc thù vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông với các ĐVHC khác.